

Số: 5089 /KSBT-SKMT&YTTH  
V/v thông báo kết quả giám sát vệ sinh,  
chất lượng nước tại Nhà máy nước Sông Đà  
tháng 11/2021

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2021

Kính gửi: Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà

Thực hiện công văn số 4115/KSBT-SKMT&YTTH ngày 04/11/2021 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội về việc kiểm tra, giám sát vệ sinh, chất lượng nước tại cơ sở cấp nước tháng 11/2021; ngày 24/11/2021, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội đã giám sát vệ sinh, chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại Nhà máy nước Sông Đà (tỉnh Hòa Bình) thuộc Công ty cổ phần đầu tư Nước sạch Sông Đà. Kết quả như sau:

### **1. Kết quả giám sát vệ sinh chung, công tác khử trùng**

- Khu vực khai thác nước nguyên liệu: có chu vi bảo vệ, có biển cảnh báo.
- Khu vực ngoại cảnh và khu xử lý nước: đảm bảo vệ sinh.
- Hóa chất xử lý nước được bảo quản tại kho hóa chất có biển tên, biển cảnh báo. Hóa chất có đầy đủ tem, nhãn theo quy định.

### **2. Công tác thực hiện nội kiểm chất lượng nước của đơn vị**

#### **2.1 Hồ sơ theo dõi về chất lượng nước sạch**

- Đơn vị đã thực hiện nội kiểm chất lượng nước nguyên liệu định kỳ, có sổ theo dõi lưu mẫu nội kiểm chất lượng nước thành phẩm.
- Hóa chất sử dụng trong quá trình sản xuất nước sạch: có đầy đủ hồ sơ theo dõi sử dụng.
- Công ty cổ phần đầu tư Nước sạch Sông Đà đã xây dựng Kế hoạch cấp nước an toàn và lưu tại đơn vị.

#### **2.2 Công tác nội kiểm chất lượng nước thành phẩm**

Đơn vị đã thực hiện nội kiểm chất lượng nước thành phẩm theo QCVN 01-1:2018/BYT, cụ thể như sau:

+ Đối với thông số nhóm A: đơn vị thực hiện nội kiểm 7 thông số nhóm A với tần suất hàng tháng (không bao gồm thông số Arsenic) đối với 4 mẫu nước (1 mẫu tại cơ sở và 3 mẫu trong mạng lưới đường ống phân phối); nội kiểm lần gần nhất tháng 10/2021. Kết quả đạt đối với các thông số đã thử nghiệm. Đơn vị không nội kiểm chỉ tiêu Arsenic do sử dụng nguồn nước mặt.

+ Đối với thông số nhóm B: đơn vị thực hiện nội kiểm đầy đủ 91 thông số nhóm B đối với 2 mẫu nước trong mạng lưới đường ống phân phối, chưa nội kiểm mẫu nước tại cơ sở.

#### **2.3 Việc thực hiện thông tin và báo cáo chất lượng nước**

Công ty cổ phần đầu tư Nước sạch Sông Đà đã thực hiện chế độ báo cáo và công khai thông tin chất lượng nước theo quy định.



### 3. Kết quả giám sát chất lượng nước (chi tiết phiếu kết quả thử nghiệm đính kèm)

Lấy 1 mẫu nước thành phẩm tại cơ sở thử nghiệm 99 thông số nhóm A, B theo QCVN 01-1:2018/BYT . Kết quả: Mẫu nước đạt quy chuẩn đối với 99/99 thông số được thử nghiệm.

### 4. Đề nghị

Để đảm bảo chất lượng nước theo quy định của Bộ Y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội đề nghị Công ty cổ phần đầu tư Nước sạch Sông Đà chi đạo Nhà máy nước Sông Đà thực hiện các nội dung sau:

- Duy trì chế độ vệ sinh, an toàn tại khu vực khai thác nước nguyên liệu, khu vực ngoại cảnh và khu chế hóa xử lý nước.
- Đảm bảo chất lượng nước cung cấp đạt QCVN 01-1:2018/BYT.
- Thực hiện đầy đủ chế độ nội kiểm chất lượng nước thành phẩm theo quy định tại Thông tư 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 và Thông tư 26/2021/TT-BYT ngày 15/12/2021 của Bộ Y tế.

Địa chỉ liên hệ: Khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học  
Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội - 70 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội.  
Điện thoại: 0243.7730.176. Email: gsnuochanoi@gmail.com

#### Nơi nhận:

- Như trên (để th/hiện);
  - Sở Xây dựng HN
  - Sở Y tế HN
  - PGĐ Trương Quang Việt
  - Lưu: VT, Khoa SKMT-YTTH.
- } (để b/cáo);



Nguyễn Thị Kiều Anh



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No.: 21.11.24.70 VSC

1. Tên mẫu/Name of sample **Mẫu nước tại bể pha clo - Nhà máy nước mặt Sông Đà, xã Thịnh Minh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hoà Bình.**
2. Tên/địa chỉ khách hàng **Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội**  
Name/Address of customer **70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội**
3. Mô tả mẫu/Sample description **Trong 02 chai thủy tinh x 500ml, 2 chai x 250ml. 3 chai 1,5 lít, 3 chai 500 ml**
4. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving sample **24/11/2021**
5. Người lấy/gửi mẫu/ The personnel **Khoa Sức khỏe môi trường -y tế trường học**  
performing/sending sample(s)
6. Ngày thực hiện thử nghiệm/The dates **24/11 - 27/12/2021**  
of testing activities
7. Kết quả thử nghiệm/Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5	≤ 15
2	Mùi, vị	Cảm quan /Sensory		Không mùi	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	Orbeco- TB300IR Turbidimeter	(NTU)	<0,5	≤ 2
4	pH (*)	TCVN 6492:2011		7,2	6,0 – 8,5
5	Arsenic (As)	TCVN 6626:2000	mg/L	0,001	≤ 0,01
6	Clor dư tự do	TCVN 6225:2011	mg/L	0,7	0,2-1,0
7	Amoni ( NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,04	0,3
8	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	1,0	≤ 2
9	Chloride (Cl)(*)	TCVN 6194:1996	mg/L	9,2	≤ 250
10	Độ cứng, tính theo CaCO <sub>3</sub> (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	90	≤ 300
11	Sắt (Ferrum) (Fe) (*)	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,05	≤ 0,3
12	Mangan (Mn)(*)	TCVN 6002:1995	mg/L	<0,05	≤ 0,1
13	Sunphat(*)	SMEWW4500-SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> E	mg/L	14,6	≤ 250
14	Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> tính theo N) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,02	≤ 0,05
15	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N) (*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,8	≤ 2
16	Tổng chất rắn hoà tan (TDS)	SMEWW 2540C-2017	mg/L	150	≤ 1000
17	Antimon (Sb) (**)	SMEWW 3125B:2017	mg/L	<0,0020	≤ 0,02
18	Bari (Bs) (**)	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0,031	≤ 0,7

1. (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (\*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/  
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/  
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/  
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.
7. (\*\*) Là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
19	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B) (**)	SMEWW 3125B:2017	mg/L	<0,015	≤ 0,3
20	Cadmi (Cd) (**)	SMEWW 3125B:2017	mg/L	<0,0006	≤ 0,003
21	Chì (Plumbum) (Pb) (**)	SMEWW 3125B:2017	mg/L	<0,0020	≤ 0,01
22	Chromi (Cr) (**)	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0,0045	≤ 0,05
23	Đồng (Cuprum) (Cu) (**)	SMEWW 3125B:2017	mg/L	<0,005	≤ 1
24	Flour (F) (**)	SMEWW 4500 F D:2017	mg/L	<0,10	≤ 1,5
25	Kẽm (Zn) (**)	SMEWW 3125B:2017	mg/L	<0,015	≤ 2
26	Natri (Na) (**)	SMEWW 3500 Na B: 2017	mg/L	2,86	≤ 200
27	Nhôm (Aluminum) (Al) (**)	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0,078	≤ 0,2
28	Nickel (Ni) (**)	SMEWW 3125B:2017	mg/L	0,0030	≤ 0,07
29	Seleni (**)	SMEWW 3125B:2017	mg/L	<0,0020	≤ 0,01
30	Sunfua (**)	SMEWW 4500 S <sup>2-</sup> C,D:2017	mg/L	<0,03	≤ 0,05
31	Thủy ngân (Hydragyrum) (Hg) (**)	SMEWW 3112B:2017	mg/L	<0,0006	≤ 0,001
32	Xyanua (CN) (**)	SMEWW 4500 CN <sup>-</sup> A,B,C,E:2017	mg/L	<0,01	≤ 0,05
33	1,1,1 - Tricloroetan (**)	EPA 524.2	µg/L	<0,04	≤ 2.000
34	1,2 Dicloroetan (**)	EPA 524.2	µg/L	<0,03	≤ 30
35	1,2 Dicloroeten (**)	EPA 524.2	µg/L	<0,03	≤ 50
36	Cacbon tetraclorua (**)	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995	µg/L	<0,10	≤ 2
37	Diclorometan (**)	EPA 524.2	µg/L	<0,09	≤ 20
38	Tetracloroeten (**)	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995	µg/L	<5,0	≤ 40
39	Tricloroeten (**)	EPA 524.2	µg/L	<0,02	≤ 20
40	Vinyl clorua (**)	EPA 524.2	µg/L	<0,04	≤ 0,3
41	Benzen (**)	EPA 3510 C & EPA 8015D, Revision 4,	µg/L	2,09	≤ 10
42	Etylbenzen (**)	June 2003	µg/L	<9,0	≤ 300

- (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (\*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/  
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/  
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/  
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.
- (\*\*) Là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
43	Phenol và dẫn xuất của Phenol (**)	EPA 8270D Revision 5, July 2014	µg/L	0,18	≤ 1
44	Styren (**)	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995	µg/L	<5,0	≤ 20
45	Toluen (**)	EPA 3510 C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003	µg/L	<9,0	≤ 700
46	Xylen (**)		µg/L	< 9,0	≤ 500
47	1,2 - Diclorobenzen (**)	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995	µg/L	< 10,0	≤ 1.000
48	Monoclorobenzen (**)		µg/L	< 10,0	≤ 300
49	Triclorobenzen (**)	EPA 524.2	µg/L	< 0,04	≤ 20
50	Acrylamide (**)	NIOEH.HD.H.PP.123: 2021	µg/L	<0,05	≤ 0,5
51	Epiclohydrin (**)	GC/ECD	µg/L	<0,10	≤ 0,4
52	Hexacloro butadien (**)	EPA 524.2	µg/L	<0,04	≤ 0,6
53	1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan (**)	EPA 524.2	µg/L	<0,05	≤ 1
54	1,2 - Dicloropropan (**)	EPA 524.2	µg/L	<0,02	≤ 40
55	1,3 - Dichloropropen (**)	EPA 524.2	µg/L	<0,02	≤ 20
56	2,4 - D (**)	EPA 515.4	µg/L	<0,06	≤ 30
57	2,4- DB (**)	EPA 515.4	µg/L	<0,30	≤ 90
58	Alachlor (**)	GC/FID	µg/L	<4,0	≤ 20
59	Aldicarb (**)	EPA 531.2	µg/L	<0,20	≤ 10
60	Atrazine và các dẫn xuất chloro-striazine (**)	EPA 525.2	µg/L	<0,081	≤ 100
61	Carbofuran (**)	EPA 531.2	µg/L	<0,01	≤ 5
62	Chlorpyrifos (**)	EPA 8270D, Revision 5, July 2014	µg/L	<0,01	≤ 30
63	Clodane (**)	EPA 508 Revision 3.1, 1995	µg/L	<0,015	≤ 0,2
64	Clorotoluron (**)	GC/ECD	µg/L	<1,50	≤ 30
65	Cyanazine (**)	US EPA525.3	µg/L	<0,016	≤ 0,6
66	DDT và các dẫn xuất (**)	TCVN 7876:2008	µg/L	<0,016	≤ 1

NH  
 NG  
 M S  
 NH  
 ANH  
 HÀ N  
 \*

- (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (\*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/  
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/  
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/  
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.
- (\*\*) Là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
67	Dichloprop <sup>(**)</sup>	EPA 515.4	µg/L	<0,43	≤ 100
68	Fenoprop <sup>(**)</sup>	GC/ECD	µg/L	<1,0	≤ 9
69	Hydroxyatrazine <sup>(**)</sup>	US EPA524.4	µg/L	<0,081	≤ 200
70	Isoproturon <sup>(**)</sup>	GC/ECD	µg/L	<1,50	≤ 9
71	MCPA <sup>(**)</sup>	EPA 555	µg/L	<0,35	≤ 2
72	Mecoprop <sup>(**)</sup>	EPA 555	µg/L	<0,19	≤ 10
73	Methoxychlor <sup>(**)</sup>	EPA 508, Revision 3.1, 1995	µg/L	< 0,015	≤ 20
74	Molinate <sup>(**)</sup>	EPA 525.2	µg/L	<0,086	≤ 6
75	Pendimetalin <sup>(**)</sup>	EPA 525.2	µg/L	<1,0	≤ 20
76	Permethrin <sup>(**)</sup>	EPA 8270D, Revision 5, July 2014	µg/L	< 0,05	≤ 20
77	Propanil <sup>(**)</sup>	EPA 532	µg/L	<0,1	≤ 20
78	Simazine <sup>(**)</sup>	EPA 525.2	µg/L	<0,13	≤ 2
79	Trifuralin <sup>(**)</sup>	EPA 525.2	µg/L	<0,50	≤ 20
80	2,4,6 Triclorophenol <sup>(**)</sup>	EPA 8270D, Revision 5, July 2014	µg/L	< 0,15	≤ 200
81	Bromat <sup>(**)</sup>	EPA 300.1	µg/L	<1,5	≤ 10
82	Bromodiclorometan <sup>(**)</sup>	EPA 524.2	µg/L	<0,03	≤ 60
83	Bromoform <sup>(**)</sup>	EPA 524.2	µg/L	<0,20	≤ 100
84	Chloroform <sup>(**)</sup>	EPA 524.2	µg/L	<0,02	≤ 300
85	Dibromoaxetonitril <sup>(**)</sup>	EPA 551.1	µg/L	<0,001	≤ 70
86	Dibromoclorometan <sup>(**)</sup>	EPA 524.2	µg/L	<0,07	≤ 100
87	Dicloroaxetonitril <sup>(**)</sup>	EPA 551.1	µg/L	<0,001	≤ 20
88	Dicloroacetic acid <sup>(**)</sup>	US EPA 552.2	µg/L	<0,242	≤ 50
89	Focmaldehyt <sup>(**)</sup>	EPA 556	µg/L	<0,02	≤ 900
90	Monocloramine <sup>(**)</sup>	TCVN 6225-2:2012	mg/L	< 0,15	≤ 0,3
91	Monochloroaxetic acid <sup>(**)</sup>	US EPA 552.2	µg/L	<0,242	≤ 20
92	Tricloroaxetic acid <sup>(**)</sup>	US EPA 552.2	µg/L	<0,079	≤ 200
93	Tricloroaxetonitril <sup>(**)</sup>	US EPA 551.1	µg/L	<0,003	≤ 1

- (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (\*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/  
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/  
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/  
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.
- (\*\*) Là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit QCVN 01-1:2018/BYT
94	Tổng hoạt độ phóng xạ <sup>(**)</sup>	TCVN 6053-2011	Bq/l	0,026	≤ 0,1
95	Tổng hoạt độ phóng xạ <sup>(**)</sup>	TCVN 6219-2011	Bq/l	0,010	≤ 1

PHÒNG KIỂM NGHIỆM  
LABORATORY

Cn. Trần Văn An

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2021/ Hanoi, December 27, 2021  
KHOA XÉT NGHIỆM  
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM ĐO CHỨC NĂNG  
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Thị Kiều Anh

- (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (\*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/  
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/  
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/  
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.
- (\*\*) Là chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No.: 21.11.24.70 VSC

1. Tên mẫu: *Name of sample* Mẫu nước tại bể pha clo - Nhà máy nước mặt Sông Đà, xã Thịnh Minh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hoà Bình.
2. Tên/địa chỉ khách hàng: *Name/Address of customer* Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nội  
70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
3. Mô tả mẫu: *Sample description* Trong 02 chai thủy tinh x 500mL, 2 chai x 250mL. 3 chai 1,5 lít, 3 chai 500mL
4. Ngày nhận mẫu: *Date of receiving sample* 24/11/2021
5. Người lấy/gửi mẫu: *Sample taking* Khoa Súc khỏe môi trường - y tế trường học
6. Ngày thực hiện thử nghiệm: *The dates of testing activities* 24/11/2021 - 30/11/2021
7. Kết quả thử nghiệm: *Test results*

TT No.	Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Kết quả <i>Result</i>	Giới hạn tối đa cho phép <i>Regular limit</i> QCVN 01-1:2018/BYT
1	Coliforms *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<3
2	<i>Escherichia coli</i> *	TCVN 6187-1:2019	CFU/100mL	0	<1
3	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> *	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	0	<1
4	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213B	CFU/100mL	0	<1

8. Nhận xét:  
*Remarks*

PHÒNG KIỂM NGHIỆM  
*LABORATORY*

ThS. Nguyễn Thành Đông

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2021/Hanoi, November 30, 2021

KHOA XÉT NGHIỆM  
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐÒ CHỨC NĂNG  
*DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING*

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Thị Kiều Anh

- 1.(\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (\*) *Characteristic recognized by ISO/IEC 17025*  
2.(\*\*) Phương pháp sửa đổi (xác định số MPN theo ISO 7218:2007/Amd 1:2013 (E))  
*Modified method (determination of MPN values using MPN tables given in ISO 7218:2007/Amd 1:2013 (E))*  
3.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.  
4.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/  
*The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.*  
5.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*  
6.Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/  
*Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).*  
7.Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm dò chức năng/  
*This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.*